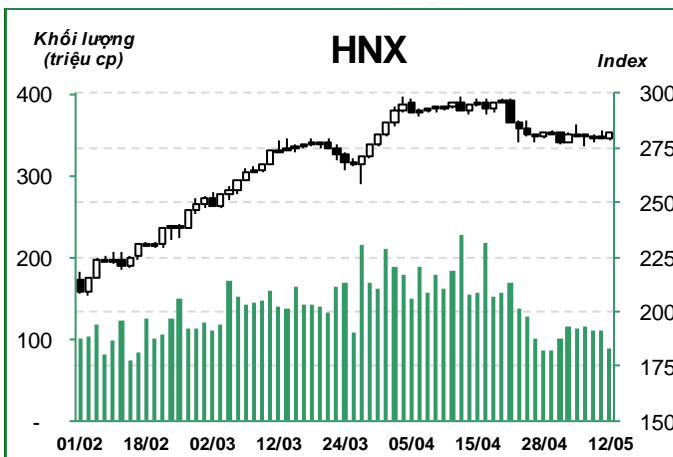
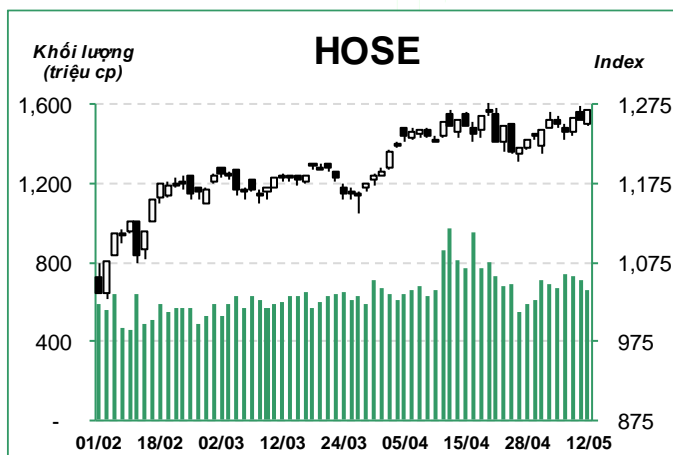


Tổng quan thị trường

12/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,269.09	1.04%	1,380.17	1.54%	282.33	0.92%
Cuối tuần trước	1,241.81	2.20%	1,340.73	2.94%	279.86	0.88%
Trung bình 20 ngày	1,245.37	1.90%	1,313.50	5.08%	284.66	-0.82%
Tổng KLGD (triệu cp)	700.67	-9.01%	270.50	-0.92%	92.33	-17.70%
KLGD khớp lệnh	664.16	-6.40%	264.23	0.83%	88.91	-19.29%
Trung bình 20 ngày	709.63	-6.41%	242.92	8.77%	125.86	-29.36%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	20,924.77	-7.68%	12,320.36	0.86%	1,978.35	-14.22%
GTGD khớp lệnh	19,359.55	-6.87%	11,993.80	1.57%	1,908.06	-15.98%
Trung bình 20 ngày	18,593.94	4.12%	10,904.82	9.99%	2,332.47	-18.20%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	309	67%	26	87%	128	35%
Số mã giảm	102	22%	3	10%	76	21%
Số mã đứng giá	51	11%	1	3%	163	44%



Thị trường chứng khoán trong nước bước vào phiên giao dịch ngày thứ 4 với tâm lý có phần thận trọng sau khi chứng kiến đà lao dốc của nhiều thị trường chứng khoán lớn trên thế giới trong phiên hôm qua. Các chỉ số chính liên tục đảo chiều quanh tham chiếu do sự phân hóa của các cổ phiếu vốn hóa lớn trong khi tín hiệu dòng tiền ở nhóm midcap và penny có phần khởi sắc hơn. Điểm nhấn của thị trường đến vào cuối phiên khi các Bluechips đồng loạt tăng hưng phấn giúp VN-Index thiết lập đỉnh lịch sử mới.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa lên mức cao nhất trong ngày tại 1,269.09 điểm (+1.04%). KLGD khớp lệnh đạt 664.2 triệu cổ phiếu (-6.4%), tương đương 19,360 tỷ đồng giá trị (-6.9%). Độ rộng thị trường cho thấy sự lan tỏa mạnh của lực cầu với 309 mã tăng trong khi chỉ có 102 mã giảm.

Nhóm ngân hàng vẫn là đầu tàu kéo điểm chính cho thị trường với các cổ phiếu ghi nhận mức tăng mạnh như Techcombank-TCB (+4.8%), Sacombank-STB (+6.9%), Vietinbank-CTG (+1.8%) hay VPBank-VPB (+1.6%). Bên cạnh đó, một số Bluechips khác cũng ghi nhận mức tăng điểm khá như Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+6.9%) hay Masan-MSN (+2.5%). Phiên giao dịch hôm nay cũng kích hoạt dòng tiền mạnh ở nhiều cổ phiếu midcap và penny, đặc biệt là ở các nhóm ngành như thủy sản, dệt may, BĐS khu công nghiệp, mía đường. Ở chiều ngược lại, Vingroup-VIC (-0.9%), Vinhomes-VHM (-0.3%), Vietcombank-VCB (-0.6%), Eximbank-EIB (-1.4%) những trụ cột gây sức ép đến chỉ số chung.

Về diễn biến giao dịch của khối ngoại, khối này gia tăng bán ròng trên sàn HoSE với giá trị 567.8 tỷ đồng (+93.1%). Trong đó, các cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất trong phiên hôm qua là Hòa Phát-HPG (-229.6 tỷ), Novaland-NVL (-142.8 tỷ), Vingroup-VIC (-102.2 tỷ) tiếp tục bị bán ròng mạnh trong phiên giao dịch hôm nay. Trái lại, VPBank-VPB (+156.9 tỷ),

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VIB	9,603.9	553.78
HPG	2,194.0	133.98
VCG	1,545.0	72.57
SHI	2,462.0	56.63
CII	2,540.0	55.25
TPB	1,750.0	52.94
KBC	1,000.0	36.50
NVL	250.0	32.23
PDR	440.8	31.74
CVT	697.8	27.98
HNX		
VND	969.0	39.25
AMV	1,168.0	11.68
VC1	550.0	6.60
AAV	400.0	6.00
DNP	192.5	4.00
SHB	80.0	1.70
VC3	46.0	0.94
VC7	5.5	0.08
HBE	5.0	0.04

Sacombank-STB (+41.6 tỷ), Gemadept-GMD (+26.0 tỷ) là những cổ phiếu liên tục được khối ngoại mua ròng trong những phiên gần đây.

Có diễn biến tương tự, chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng lên mức 282.33 điểm (+0.92%). Tuy nhiên, thanh khoản trên sàn ghi nhận mức giảm tương đối với KLGD khớp lệnh đạt 88.9 triệu cổ phiếu (-19.3%), tương đương 1,908.1 tỷ đồng giá trị (-16.0%).

Gần như các cổ phiếu trụ cột trên sàn HNX đều đồng loạt đi lên trong phiên giao dịch hôm nay. Trong đó có thể kể đến sự trở lại của nhóm ngân hàng với bộ đôi Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.9%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+3.7%). Ngoài ra, các cổ phiếu dầu khí như Dầu khí PTSC-PVS (+3.3%), Hóa dầu Petrolimex-PLC (+2.4%) và nhóm chứng khoán như Chứng khoán VNDIRECT-VND (+2.7%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.4%), Chứng khoán MB-MBS (+3.1%) cũng ghi nhận mức tăng điểm khá tích cực. Ở chiều ngược lại, áp lực giảm điểm cho chỉ số không thực sự đáng kể khi chỉ đến từ một số cổ phiếu có mức thanh khoản thấp như Cảng Đà Nẵng-CDN (-4.7%), Bảo hiểm Bưu điện-PTI (-4.3%), Bến xe ĐLGL-DL1 (-6.8%).

Khối ngoại cũng tiếp tục bán ròng trên sàn HNX trong phiên hôm nay với giá trị 10.6 tỷ đồng (-44.4%). Với các cổ phiếu bị bán ròng nhiều như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-4.1 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-3.4 tỷ), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (-2.4 tỷ). Trong khi đó, khối này tập trung mua ròng Vicostone-VCS (+1.3 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.5 tỷ), Đầu tư Thăng Long-TIG (+0.5 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm tích cực. Khối lượng giao dịch suy giảm nhẹ xuống dưới mức bình quân 10 phiên, hàm ý áp lực chốt lời không quá mạnh. Không những vậy, xu hướng tăng của chỉ số đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với đường +DI nằm trên -DI cho thấy đà tăng điểm đang chiếm ưu thế. Thêm vào đó, RSI hướng lên vùng 61 cùng với MACD cắt lên Signal cho tín hiệu mua trở lại. Chỉ số có thể tiếp tục đi lên thử thách ngưỡng kháng cự gần quanh vùng 1,280 – 1,285 điểm (đỉnh cũ). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm từ vùng hỗ trợ quanh MA50 và vượt qua áp lực của MA5, cho thấy đà phục hồi đang dần tích cực, chỉ số có thể sớm hướng lên thử thách lại ngưỡng kháng cự 286 điểm (MA20). Nhìn chung, thị trường vẫn đang nằm trong xu hướng tăng điểm. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HCD	4.7	530.7	7.0%
ROS	7.0	44,286.9	7.0%
HNG	11.5	9,823.3	7.0%
PHC	15.4	906.9	7.0%
DTL	22.4	7.6	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CMV	15.4	1.8	-6.9%
FUCVREIT	20.4	0.3	-6.9%
TPC	8.4	2.1	-6.6%
PTC	9.1	0.1	-6.5%
SVD	8.3	801.4	-6.3%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	64.0	2,098.4	1.6%
HPG	62.7	1,944.6	1.1%
STB	26.4	1,518.6	6.9%
TCB	49.3	1,137.9	4.8%
CTG	45.0	891.7	1.8%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	26.4	59,530.3	6.9%
ROS	7.0	44,286.9	7.0%
VPB	64.0	33,483.9	1.6%
HPG	62.7	31,510.3	1.1%
FLC	11.6	31,083.8	-0.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KMT	8.8	13.9	10.0%
L40	36.3	0.4	10.0%
SMN	11.2	15.9	9.8%
THS	29.3	0.6	9.7%
MCC	13.7	0.1	9.6%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DVG	17.0	65.8	-9.6%
PBP	7.8	0.1	-9.3%
LM7	5.0	1.9	-9.1%
HEV	14.1	0.2	-9.0%
CTC	6.2	32.7	-8.8%

Top 5 giá trị

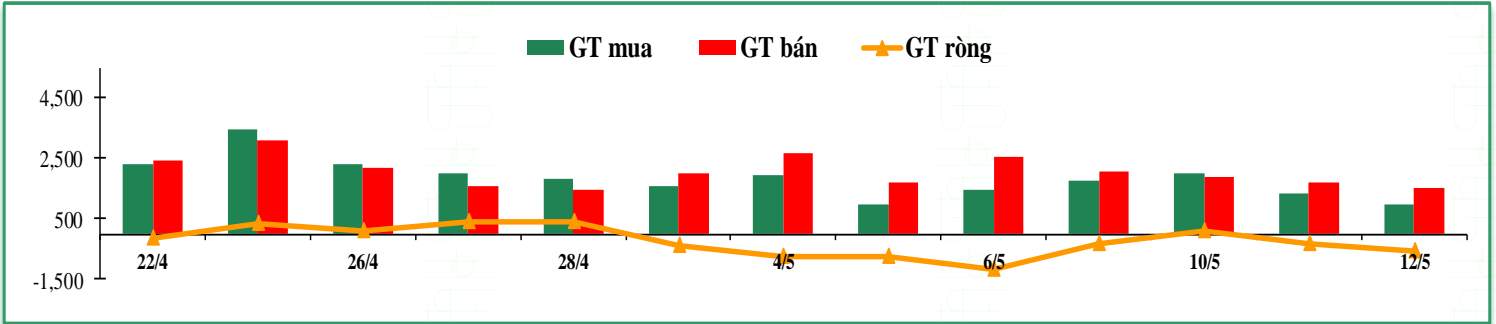
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	23.7	410.8	0.9%
THD	189.8	265.3	0.3%
VND	41.6	210.5	2.7%
PVS	22.2	181.6	3.3%
SHS	29.9	139.3	2.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	23.7	17,652.3	0.9%
PVS	22.2	8,192.6	3.3%
KLF	5.3	5,740.5	0.0%
NVB	16.8	5,557.5	3.7%
VND	41.6	5,180.3	2.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	961.1	4.6%	1,528.9	7.3%	-567.8
HNX	6.1	0.3%	16.7	0.8%	-10.6
Tổng số	967.3		1,545.6		-578.4



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	64.0	252.0	1.6%
VNM	91.8	61.8	0.7%
HPG	62.7	53.8	1.1%
STB	26.4	46.4	6.9%
NVL	130.0	39.1	1.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	62.7	283.4	1.1%
NVL	130.0	182.0	1.2%
VIC	129.8	107.7	-0.9%
VPB	64.0	95.1	1.6%
MSN	104.0	68.2	2.5%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	64.0	156.9	1.6%
STB	26.4	41.6	6.9%
GMD	37.7	26.0	2.9%
BVH	56.8	18.5	1.4%
SBT	21.5	17.5	6.5%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	90.3	1.4	0.3%
IDV	72.9	0.5	7.0%
TIG	15.2	0.5	0.0%
THD	189.8	0.4	0.3%
ACM	3.4	0.3	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	41.6	4.3	2.7%
PAN	24.8	3.5	0.4%
PVC	10.0	2.4	2.0%
SHS	29.9	1.2	2.4%
GLT	26.8	1.0	-1.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	90.3	1.3	0.3%
IDV	72.9	0.5	7.0%
TIG	15.2	0.5	0.0%
THD	189.8	0.4	0.3%
SZB	34.1	0.2	-0.6%

Tin trong nước

Kiều hối về TP.HCM dự kiến lập kỷ lục mới trong năm nay

Ông Nguyễn Hoàng Minh, Phó Giám đốc NHNN Việt Nam chi nhánh TP.HCM cho biết, lượng kiều hối về thành phố được dự báo sẽ đạt khoảng 6,5 tỷ USD trong năm nay, sau khi tăng 15% lên mức kỷ lục 6,1 tỷ USD vào năm 2020. TP.HCM – trung tâm kinh tế của Việt Nam đã nhận được khoảng 50% trong tổng lượng kiều hối của cả nước những năm gần đây.

Tháng trước, Ngân hàng Nhà nước cho biết tiếp tục theo đuổi các chính sách tiền tệ nhằm giảm chi phí vay vốn cho doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời kiểm soát lạm phát. Chính phủ muốn đảm bảo Việt Nam vẫn sẽ nằm trong số các nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới và dự kiến tăng trưởng đạt mức 6,5% trong năm 2021.

MSCI Frontier Markets thêm mới SHB và THD vào danh mục trong kỳ review quý II

MSCI vừa thông báo cáo cơ cấu danh mục định kỳ quý II/2021 với rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Index.

Theo đó, MSCI đã thêm mới 2 cổ phiếu Việt Nam là SHB và THD (ThaiHoldings) vào rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Index trong kỳ review này.

Hiện tại, Việt Nam là thị trường lớn nhất trong rổ MSCI Frontier Markets Index.

Kim ngạch xuất khẩu cao su 4 tháng đầu năm tăng hơn 111%

Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn thông tin kim ngạch xuất khẩu cao su ước đạt 143 triệu USD, tương đương 80.000 tấn trong tháng 4. Tính chung 4 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu cao su ước đạt 817 triệu USD, tương đương 486.000 tấn, tăng hơn 111% về giá trị và tăng gần 80% về sản lượng.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 4 ước đạt gần 159 triệu USD, tương đương 90.000 tấn. Theo đó, Việt Nam nhập khẩu gần 845 triệu USD, tương đương 594.900 tấn trong 4 tháng đầu năm, tăng lần lượt 127% và 144% so với cùng kỳ 2020.

Trung Quốc, Ấn Độ và Mỹ là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm với thị phần lần lượt là 64,2%, 5,1% và 2,7%.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Sao Ta có doanh số tháng 4 tăng trưởng 46%

Thực phẩm Sao Ta (Fimex, HoSE: FMC) - một thành viên của Tập đoàn PAN thông báo chế biến được 1.575 tấn tôm thành phẩm trong tháng 4, tăng 31% so với cùng kỳ. Sản xuất nông sản đạt 114 tấn, so 175 tấn cùng kỳ năm trước.

Doanh số chung đạt 16,4 triệu USD, tăng 46% so cùng kỳ năm 2020. Trong đó, doanh số công ty con Khang An đóng góp tỷ trọng 26%.

Trước đó trong quý I, công ty ghi nhận sản lượng tôm tiêu thụ chung tăng 35% lên 3.850 tấn. Doanh số chung 42,3 triệu USD, tương đương với 135% so với cùng kỳ năm trước.

Nhựa Bình Minh chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 14,8%

Nhựa Bình Minh (HoSE: BMP) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chia cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền mặt 14,8%. Với gần 82 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 121 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 18/5 và thời gian thanh toán là 4/6.

Năm ngoái, Nhựa Bình Minh ghi nhận doanh thu đạt 4.700 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 523 tỷ đồng, lần lượt tăng 8% và 24% so với thực hiện năm trước. Với kết quả đó, cổ đông thông qua việc dùng 99% lợi nhuận sau thuế năm 2020 để chia cổ tức. Tổng giá trị chi trả là 517 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 63,2% và là mức chia kỷ lục. Trong đó công ty có tạm ứng 2 đợt với tổng tỷ lệ 28,4%.

Sang năm 2021, công ty đặt mục tiêu sản lượng 115.000 tấn, tăng 4% so với thực hiện năm trước. Doanh thu kế hoạch 5.200 tỷ đồng, tăng 11%. Lợi nhuận sau thuế đi ngang ở mức 523 tỷ đồng, tỷ lệ cổ tức tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SSI	Mua	13/05/21	34.8	34.8	0.0%	42	20.7%	33.5	-3.7%	Cổ phiếu có cơ hội phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VJC	Quan sát mua	13/05/21	119	125 128	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 118-120 tích cực với nền nhỏ dần + xuất hiện nến Doji rút chân -> khả năng sắp tạo đáy và có nhịp hồi phục
2	DPG	Quan sát mua	13/05/21	35	42-43	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 34-34.5 tích cực với nền, vol nhỏ dần + xuất hiện nến Doji cạn vol -> khả năng sắp tạo đáy và có nhịp hồi phục
3	QNS	Quan sát mua	13/05/21	40	42-43 45-46	Phiên bật tăng tốt từ vùng hỗ trợ 38.5-39 kèm vol tăng gần đây cho khả năng QNS đã tạo đáy và có thể bước vào nhịp hồi phục -> có thể canh mua khi có điều chỉnh trong phiên
4	VGT	Quan sát mua	13/05/21	15.5	17-18	Phiên bật tăng tốt sau tín hiệu rũ bỏ và test đáy + vol cao trở lại -> khả năng đã tạo đáy và có nhịp hồi phục, có thể canh mua khi điều chỉnh về quanh 15.2-15.3

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	85.4	81.5	4.8%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	39.65	34.95	13.4%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	47.6	49.9	-4.6%	55	10%	47	-6%	
4	DGC	Nắm giữ	29/04/21	69.9	60.8	15.0%	71.7	18%	58.2	-4%	
5	MWG	Mua	04/05/21	139.5	140.9	-1.0%	172	22%	134.6	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	STB	Mua	05/05/21	26.35	24.1	9.3%	30	24%	22.9	-5%	Nâng giá mục tiêu lên 30 ngàn
7	IJC	Mua	06/05/21	26.4	26.25	0.6%	32.85	25%	24.8	-6%	
8	CKG	Mua	07/05/21	16.45	15.5	6.1%	17.1	10%	14.9	-4%	
9	BVB	Mua	11/05/21	14.7	14.8	-0.7%	17.6	19%	14.2	-4%	
10	PHR	Mua	12/05/21	54.7	52.2	4.8%	58	11%	49.5	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 12/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,740	1.5%	239%	13,320	41	85,400	7,104	(1,636)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	7,900	0.1%	427%	27,120	54	85,400	1,856	(6,044)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,800	9.3%	380%	38,110	133	30,200	343	(4,457)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2018	1,200	8,040	0.9%	570%	71,490	2	62,700	8,176	136	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	410	39,700	2.7%	9583%	200	49	62,700	36,775	(2,925)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	(54)	11,100	1.8%	-20656%	18,110	133	62,700	4,048	(7,052)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	(518)	29,000	11.5%	-5698%	8,900	54	62,700	21,830	(7,170)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	(982)	15,400	2.7%	-1668%	18,780	55	62,700	10,418	(4,982)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	(1,446)	11,500	0.4%	-895%	35,060	54	62,700	6,014	(5,486)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	(1,910)	16,500	0.0%	-964%	46,660	89	62,700	10,460	(6,040)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	(2,374)	15,000	12.8%	-732%	49,320	107	62,700	6,416	(8,584)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	(2,838)	4,950	21.0%	-274%	17,600	92	62,700	871	(4,079)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	3,260	35.8%	172%	10,000	92	62,700	858	(2,402)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2001	(3,302)	2,630	0.4%	-180%	45,370	2	37,100	2,720	90	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	(3,766)	4,850	9.0%	-229%	31,010	96	37,100	2,480	(2,370)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	(4,230)	4,370	13.2%	-203%	17,440	133	37,100	833	(3,537)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	(4,694)	7,650	16.8%	-263%	14,890	93	37,100	3,085	(4,565)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	(5,158)	17,400	1.7%	-437%	13,880	33	33,200	17,231	(169)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	(5,622)	9,100	8.1%	-262%	74,640	55	33,200	3,642	(5,458)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	(6,086)	2,090	11.8%	-134%	12,000	92	33,200	54	(2,036)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2009	(6,550)	4,080	2.5%	-162%	52,980	2	104,000	4,243	163	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	(7,014)	4,180	9.1%	-160%	38,540	133	104,000	375	(3,805)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	(7,478)	4,070	9.4%	-154%	38,810	133	104,000	124	(3,946)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	(7,942)	8,800	15.5%	-211%	54,370	93	104,000	2,755	(6,045)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	(8,406)	26,700	5.3%	-418%	60	49	139,500	21,888	(4,812)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2016	(8,870)	3,680	-1.6%	-141%	22,270	29	139,500	3,168	(512)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	(9,334)	4,460	3.5%	-148%	7,160	55	139,500	2,288	(2,172)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	(9,798)	8,130	6.3%	-183%	6,160	82	139,500	4,029	(4,101)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	(10,262)	3,990	14.0%	-139%	22,870	54	139,500	1,152	(2,838)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	(10,726)	7,860	13.9%	-173%	27,860	(51)	139,500	(99)	(7,959)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	(11,190)	7,240	8.1%	-165%	13,850	107	139,500	1,352	(5,888)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	(11,654)	6,640	0.9%	-157%	21,890	30	130,000	6,680	40	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	(12,118)	4,800	0.0%	-140%	22,570	133	130,000	3,330	(1,470)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	(12,582)	2,990	4.9%	-124%	26,280	55	95,800	1,823	(1,167)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	(13,046)	5,700	1.8%	-144%	10,820	82	95,800	3,239	(2,461)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	(13,510)	4,190	2.0%	-131%	9,400	37	95,800	3,434	(756)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	(13,974)	4,030	3.9%	-129%	38,870	55	55,300	1,864	(2,166)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	(14,438)	3,140	9.8%	-122%	17,160	133	21,450	39	(3,101)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	(14,902)	7,800	11.6%	-152%	77,710	15	26,350	7,680	(120)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	(15,366)	7,550	10.2%	-149%	47,450	30	26,350	7,186	(364)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	(15,830)	14,500	12.9%	-192%	41,920	33	26,350	14,373	(127)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	(16,294)	8,070	11.8%	-150%	23,690	133	26,350	2,309	(5,761)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	(16,758)	9,000	12.5%	-154%	29,400	23	26,350	8,374	(626)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	(17,222)	9,100	10.3%	-153%	83,480	89	26,350	4,222	(4,878)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	(17,686)	12,680	15.5%	-172%	33,990	107	26,350	3,680	(9,000)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	(18,150)	27,600	7.1%	-252%	40,510	79	49,250	27,352	(248)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	(18,614)	23,550	10.1%	-227%	31,690	146	49,250	18,515	(5,035)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	(19,078)	10,400	18.2%	-155%	72,160	55	49,250	6,683	(3,717)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	(19,542)	11,510	16.2%	-159%	101,900	89	49,250	6,968	(4,542)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	(20,006)	10,270	18.5%	-151%	21,360	107	49,250	2,113	(8,157)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2001	(20,470)	100	-23.1%	-100%	128,780	2	22,300	(0)	(100)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	(20,934)	2,800	6.5%	-113%	60,290	96	22,300	108	(2,692)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	(21,398)	3,300	-2.1%	-115%	7,440	133	22,300	154	(3,146)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	(21,862)	4,450	12.7%	-120%	21,460	93	22,300	102	(4,348)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	(22,326)	2,300	7.0%	-110%	90,510	92	22,300	0	(2,300)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	(22,790)	2,630	-0.8%	-112%	32,770	30	97,700	897	(1,733)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	(23,254)	3,670	-0.3%	-116%	16,390	133	97,700	96	(3,574)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	(23,718)	4,050	1.8%	-117%	30,020	55	97,700	1,099	(2,951)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	(24,182)	2,850	0.0%	-112%	13,520	23	97,700	483	(2,367)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	(24,646)	4,220	0.5%	-117%	51,080	89	97,700	301	(3,919)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	(25,110)	5,600	0.7%	-122%	29,960	93	97,700	107	(5,493)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2106	(25,574)	4,020	20.4%	-116%	66,300	92	97,700	2	(4,018)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	(26,038)	3,400	0.0%	-113%	13,490	30	129,800	2,312	(1,088)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	(26,502)	4,400	3.5%	-117%	13,820	133	129,800	366	(4,034)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	(26,966)	4,310	-0.9%	-116%	4,810	23	129,800	2,994	(1,316)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVJC2006	(27,430)	1,190	3.5%	-104%	71,040	30	119,000	404	(786)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	(27,894)	1,270	-2.3%	-105%	30,270	30	91,800	(0)	(1,270)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	(28,358)	3,200	6.3%	-111%	16,760	133	91,800	0	(3,200)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	(28,822)	3,040	8.6%	-111%	50,950	55	91,800	0	(3,040)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	(29,286)	3,000	-1.6%	-110%	25,810	37	91,800	0	(3,000)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	(29,750)	4,700	4.4%	-116%	31,220	124	91,800	46	(4,654)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVPB2015	(30,214)	39,690	7.0%	-231%	24,920	79	64,000	38,121	(1,569)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	(30,678)	15,350	8.1%	-150%	10,250	55	64,000	13,560	(1,790)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	(31,142)	13,950	2.6%	-145%	12,190	23	64,000	14,274	324	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	(31,606)	15,790	7.4%	-150%	47,190	89	64,000	13,845	(1,945)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	(32,070)	11,660	14.3%	-136%	30,070	107	64,000	5,106	(6,554)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	(32,534)	580	-14.7%	-102%	70,910	15	31,200	63	(517)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	(32,998)	1,260	0.0%	-104%	30,540	30	31,200	32	(1,228)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	(33,462)	8,320	0.2%	-125%	30,290	79	31,200	3,864	(4,456)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	(33,926)	3,400	5.6%	-110%	10,950	133	31,200	136	(3,264)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	(34,390)	2,760	1.5%	-108%	31,970	55	31,200	371	(2,389)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	(34,854)	3,140	6.8%	-109%	57,940	89	31,200	194	(2,946)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	(35,318)	5,100	4.1%	-114%	15,560	93	31,200	117	(4,983)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
NLG	(New) HOSE	39,650	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH	(New) HOSE	37,100	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	(New) HOSE	97,300	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	(New) HOSE	36,150	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	(New) HOSE	49,250	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	HOSE	17,100	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	58,400	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM	HOSE	91,800	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	HOSE	59,700	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
STK	HOSE	35,200	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
DHG	HOSE	97,100	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ	HOSE	95,800	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG	HOSE	62,700	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	85,400	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	23,200	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC	HOSE	39,550	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
DGW	HOSE	125,700	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC	HOSE	38,200	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV	UPCOM	71,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
MSN	HOSE	104,000	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2%	58.7	6.9	-
ANV	HOSE	23,100	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE	HOSE	55,300	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX	HOSE	53,300	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT	HOSE	21,450	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC	UPCOM	35,500	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC	HOSE	32,000	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

GVR		HOSE	27,000	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS		UPCOM	40,000	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	31,200	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
TCM		HOSE	105,000	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	12.5	2.0	-
MWG		HOSE	139,500	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS		HOSE	86,400	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	53,600	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	37,650	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG		HOSE	21,100	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	79,800	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	15,900	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,250	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	73,000	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT		HOSE	27,300	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VHM		HOSE	97,700	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
SAB		HOSE	151,700	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG		HOSE	39,400	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	54,700	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	80,300	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,450	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.